

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 840/QĐ-TTg ngày 13/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn 2045

Căn cứ Quyết định số 840/QĐ-TTg ngày 13/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn 2045; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 840/QĐ-TTg ngày 13/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn 2045 tỉnh An Giang, với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa kịp thời, đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số giai đoạn 2026 - 2030 theo Quyết định số 840/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm thống nhất trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức triển khai trên địa bàn tỉnh An Giang;

- Thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số trở thành động lực quan trọng của đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng trưởng kinh tế; nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, phát triển hệ sinh thái công nghiệp công nghệ số và nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Bám sát định hướng, mục tiêu và các nhiệm vụ, giải pháp của Trung ương về phát triển công nghiệp công nghệ số, bảo đảm sự thống nhất với các chiến lược, chương trình quốc gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả, phù hợp với năng lực tổ chức thực hiện và khả năng cân đối nguồn lực của tỉnh, đồng thời phát huy tối đa nguồn lực xã hội, khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp, tổ chức và người dân trong phát triển công nghiệp công nghệ số.

- Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình triển khai cụ thể theo từng giai đoạn, gắn từng nhiệm vụ với cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian thực hiện và sản phẩm đầu ra rõ ràng, làm cơ sở cho công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về vai trò, ý nghĩa của phát triển công nghiệp công nghệ số, tạo sự đồng thuận, chủ động tham gia và hưởng ứng rộng rãi trong toàn xã hội.

- Triển khai Kế hoạch bảo đảm đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển công nghiệp công nghệ số trở thành một trong những trụ cột tăng trưởng mới của tỉnh An Giang, là động lực quan trọng thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Xây dựng hệ sinh thái công nghiệp công nghệ số hiện đại, lấy doanh nghiệp làm trung tâm, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm nền tảng; phát triển các doanh nghiệp công nghệ số có năng lực nghiên cứu, làm chủ và thương mại hóa công nghệ, hình thành các sản phẩm, nền tảng và dịch vụ "Make in Viet Nam" mang thương hiệu An Giang. Phát huy lợi thế là địa phương cửa ngõ giao thương quốc tế, trung tâm nông nghiệp và kinh tế biên giới của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, ưu tiên phát triển các lĩnh vực công nghệ số phục vụ nông nghiệp thông minh, logistics, thương mại biên giới, cửa khẩu thông minh, du lịch thông minh và chính quyền số. Phấn đấu đưa An Giang trở thành địa phương có năng lực nghiên cứu, ứng dụng, thử nghiệm và phát triển các giải pháp công nghệ số thuộc nhóm dẫn đầu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, từng bước tham gia chuỗi giá trị công nghiệp công nghệ số quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Thu hút từ 01 đến 03 doanh nghiệp hoặc chi nhánh doanh nghiệp công nghệ số có thương hiệu, năng lực và thị phần lớn trong nước đầu tư, hoạt động trên địa bàn tỉnh.

b) Phấn đấu có ít nhất 01 doanh nghiệp công nghệ số chủ lực của tỉnh có năng lực nghiên cứu, phát triển hoặc cung cấp sản phẩm, nền tảng, dịch vụ công nghệ số phục vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

c) 100% doanh nghiệp công nghệ số¹ trên địa bàn tỉnh được tiếp cận các chương trình hỗ trợ phát triển công nghiệp công nghệ số, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

¹ Theo số liệu thống kê của Sở Tài chính (Công văn số 6486/STC-DNHTĐT ngày 09/7/2026), theo kết quả rà soát dữ liệu đăng ký doanh nghiệp, trên địa bàn tỉnh An Giang, đến hết năm 2025 có 216 doanh nghiệp công nghệ số đang hoạt động (01 doanh nghiệp có thể đăng ký một hay nhiều ngành nghề kinh doanh). Trong đó có, 23 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phần cứng, điện tử; 51 doanh nghiệp thuộc lĩnh vực phần mềm; 87 doanh nghiệp thuộc lĩnh vực nội dung số; và 184 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công nghệ số (trừ hoạt động buôn bán, phân phối)

d) Hỗ trợ 100% doanh nghiệp công nghệ số có nhu cầu tham gia các hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu công nghệ, quảng bá sản phẩm và mở rộng thị trường trong nước.

đ) Hỗ trợ ít nhất 05 dự án khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số thông qua các chương trình hỗ trợ của tỉnh.

e) Phân đầu chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai ít nhất 01 hoạt động thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) hoặc mô hình thí điểm ứng dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trong các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh như nông nghiệp công nghệ cao, logistics, thương mại biên giới, cửa khẩu thông minh phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh khi có đầy đủ cơ sở pháp lý và hướng dẫn của cơ quan Trung ương có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật về công nghiệp công nghệ số

a) Rà soát, tham mưu đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các cơ chế, chính sách của tỉnh để hỗ trợ phát triển công nghiệp công nghệ số; lồng ghép mục tiêu, nhiệm vụ phát triển công nghiệp công nghệ số vào các chương trình, kế hoạch, đề án về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp, chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực và xúc tiến đầu tư của tỉnh.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số; nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở đào tạo và xã hội về vai trò của công nghiệp công nghệ số đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Khảo sát, đánh giá hiện trạng doanh nghiệp công nghệ số, sản phẩm công nghệ số, hạ tầng số, nguồn nhân lực công nghệ số và nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh làm cơ sở xây dựng cơ sở dữ liệu và danh mục nhiệm vụ ưu tiên.

2. Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số

a) Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ nghiên cứu, ứng dụng, thử nghiệm, hoàn thiện và thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trên địa bàn tỉnh; khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ số chiến lược như trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, an toàn thông tin mạng và các công nghệ phục vụ chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực của tỉnh.

b) Hỗ trợ hoạt động tư vấn, đăng ký, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm, giải pháp, sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu liên quan đến sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận hoạt động đo kiểm, thử nghiệm, chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, tiêu chuẩn kỹ thuật và công bố chất lượng sản phẩm theo quy định.

c) Nghiên cứu, lựa chọn sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh trong các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế; xây dựng phương

án và chuẩn bị các điều kiện để triển khai hoạt động thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) hoặc mô hình thí điểm theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; tổng kết, đánh giá và đề xuất hoàn thiện cơ chế trong quá trình thực hiện.

3. Phát triển doanh nghiệp công nghệ số

a) Tổ chức các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số nâng cao năng lực quản trị, quản trị công nghệ, quản trị đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, chất lượng và năng lực thương mại hóa sản phẩm; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, tiêu chuẩn quốc tế và các nền tảng số phục vụ sản xuất, kinh doanh.

b) Ưu tiên hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ số thông qua hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, không gian làm việc chung, cơ sở ươm tạo; tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ, mô hình kinh doanh; hỗ trợ thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, tham gia cuộc thi, hội chợ, triển lãm, chương trình xúc tiến thương mại và kết nối đầu tư.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thuê, mua, áp dụng các sản phẩm, dịch vụ, giải pháp công nghệ số “Make in Viet Nam” phục vụ chuyển đổi số; hỗ trợ tư vấn lộ trình chuyển đổi số, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và khả năng tham gia vào chuỗi giá trị của các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu chuỗi.

d) Khuyến khích hình thành và phát triển doanh nghiệp công nghệ số có năng lực nghiên cứu, làm chủ, ứng dụng và cung cấp giải pháp trong các lĩnh vực tỉnh có nhu cầu cao như nông nghiệp thông minh, truy xuất nguồn gốc, logistics số, quản lý đô thị, dữ liệu số, thương mại điện tử, giáo dục số, y tế số và dịch vụ công số.

đ) Lựa chọn, hỗ trợ phát triển một số doanh nghiệp công nghệ số có tiềm năng trở thành doanh nghiệp công nghệ số chủ lực của tỉnh; ưu tiên hỗ trợ nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, làm chủ công nghệ, phát triển sản phẩm, dịch vụ, nền tảng công nghệ số, mở rộng thị trường và tham gia các chương trình, dự án trọng điểm về chuyển đổi số, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh.

4. Phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số

a) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số, kỹ năng quản trị công nghệ, quản trị dữ liệu, quản trị đổi mới sáng tạo cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác quản lý nhà nước liên quan đến công nghiệp công nghệ số, khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và hỗ trợ doanh nghiệp.

b) Phối hợp với các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn ngắn hạn, chuyên sâu về kỹ năng số, quản trị công nghệ, chuyển đổi số dành cho nhân sự của doanh nghiệp công nghệ số; tổ chức triển khai các chương trình đào tạo lại (Reskill) và đào tạo

nâng cao (Upskill) để chuyển đổi nguồn nhân lực các ngành khác sang ngành công nghệ số và chuyển đổi giữa các lĩnh vực thuộc công nghệ số, đặc biệt trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu, thiết kế hệ thống số, an toàn thông tin mạng, IoT, phần mềm và vận hành nền tảng số.

c) Đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục đại học, trung tâm đào tạo chuyên sâu về AI và công nghệ mũi nhọn; đồng thời ưu tiên nâng cấp phòng thí nghiệm, chương trình đào tạo và hợp tác thực hành với doanh nghiệp

d) Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo tại chỗ, đào tạo theo nhu cầu đặt hàng; đẩy mạnh mô hình liên kết “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp” trong đào tạo, thực hành, thực tập và sử dụng nhân lực công nghệ số;

đ) Quan tâm trọng dụng, thu hút nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao và nhân tài công nghệ số thông qua tuyển chọn, đào tạo và thu hút chuyên gia giỏi về AI, IoT, Big Data và bán dẫn; phát triển mô hình hợp tác công - tư trong đào tạo theo chuẩn quốc tế.

5. Phát triển hạ tầng công nghiệp công nghệ số hiện đại, đồng bộ

a) Phát triển khu công nghệ thông tin tập trung hoặc khu công nghiệp công nghệ số của tỉnh theo quy hoạch và hướng dẫn của Trung ương; ưu tiên thu hút doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp điện tử, bán dẫn, trung tâm dữ liệu và các hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

b) Tổ chức xây dựng, duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp công nghệ số, sản phẩm công nghệ số, nguồn nhân lực công nghệ số, nhu cầu công nghệ, nhu cầu chuyển đổi số và nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định phục vụ quản lý nhà nước và hỗ trợ doanh nghiệp.

c) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, các doanh nghiệp viễn thông triển khai phát triển hạ tầng số, mở rộng vùng phủ sóng mạng băng rộng di động 5G theo quy hoạch và lộ trình của Trung ương; chuẩn bị các điều kiện để tham gia triển khai thử nghiệm các công nghệ thông tin, viễn thông thế hệ mới khi có chủ trương của cơ quan có thẩm quyền; thúc đẩy ứng dụng hạ tầng số phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh.

6. Thúc đẩy, xúc tiến đầu tư cho hoạt động công nghiệp công nghệ số

a) Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, hội nghị, hội thảo, diễn đàn, hội chợ, triển lãm và kết nối cung cầu trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số; quảng bá tiềm năng, lợi thế, môi trường đầu tư, cơ chế, chính sách hỗ trợ của tỉnh; giới thiệu các dự án ưu tiên thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, trung tâm dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, điện tử và các lĩnh vực công nghệ số phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

b) Thu hút các doanh nghiệp công nghệ số có thương hiệu, năng lực và thị phần lớn trong nước đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu, phát triển trên địa bàn tỉnh; ưu tiên các dự án có khả năng tạo giá trị gia tăng cao,

chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số và thúc đẩy chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực của tỉnh.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh tham gia các chương trình xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, hội chợ, triển lãm, kết nối cung cầu công nghệ, đổi mới sáng tạo trong nước và quốc tế; kết nối với các doanh nghiệp lớn, tập đoàn công nghệ, quỹ đầu tư, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp nhằm mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh và tham gia chuỗi giá trị.

d) Khuyến khích, ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số "Make in Viet Nam" trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; lồng ghép nội dung ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trong nước vào các chương trình, đề án, dự án chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

7. Phát triển thị trường và chuỗi cung ứng công nghiệp công nghệ số

a) Thúc đẩy phát triển thị trường sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trên địa bàn tỉnh; ưu tiên sử dụng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số "Make in Viet Nam" trong hoạt động của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và người dân.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế; khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, chế biến, thương mại, logistics, nông nghiệp, du lịch và kinh tế cửa khẩu. Tăng cường kết nối doanh nghiệp công nghệ số với các doanh nghiệp sản xuất, xuất nhập khẩu, hợp tác xã và doanh nghiệp logistics để hình thành chuỗi cung ứng số, nâng cao năng lực tham gia chuỗi giá trị trong nước và khu vực, góp phần phát huy lợi thế của An Giang là địa phương cửa ngõ giao thương giữa vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Vương quốc Campuchia.

8. Phát triển bền vững công nghiệp công nghệ số

a) Thúc đẩy phát triển công nghiệp công nghệ số theo hướng xanh, bền vững, gắn với mục tiêu tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn và bảo vệ môi trường; khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sạch, công nghệ tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên trong quá trình sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng các giải pháp số trong quản lý, giám sát môi trường, sử dụng năng lượng hiệu quả và phát triển các mô hình sản xuất thông minh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

9. Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu công nghiệp công nghệ số

a) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin quốc gia về công nghiệp công nghệ số; tổ chức kết nối, cập

nhật, chia sẻ dữ liệu của tỉnh với Hệ thống thông tin quốc gia và các cơ sở dữ liệu quốc gia, phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định.

b) Tăng cường thu thập, số hóa và cập nhật dữ liệu về doanh nghiệp công nghệ số, sản phẩm, dịch vụ, nguồn nhân lực, hạ tầng và hoạt động công nghiệp công nghệ số phục vụ công tác quản lý nhà nước, hỗ trợ hoạch định chính sách, xúc tiến đầu tư, kết nối cung cầu và phát triển thị trường công nghệ số; đồng thời bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu.

10. Hỗ trợ phát triển công nghiệp bán dẫn

a) Triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách về phát triển công nghiệp bán dẫn; phối hợp với các bộ, ngành, cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về thiết kế vi mạch, điện tử, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo và các lĩnh vực liên quan.

b) Khuyến khích doanh nghiệp trên địa bàn ứng dụng công nghệ bán dẫn, điện tử thông minh trong sản xuất, chế biến, nông nghiệp, logistics và chuyển đổi số; tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng công nghiệp bán dẫn đến tìm hiểu, đầu tư, hợp tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và phát triển sản xuất phù hợp với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Đồng thời, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp tham gia các chương trình, dự án của Trung ương về phát triển công nghiệp bán dẫn theo quy định. Các nhiệm vụ, giải pháp phát triển chi tiết được giao tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số từ nguồn tài chính cho phát triển công nghiệp công nghệ số theo quy định của pháp luật, bao gồm:

a) Nguồn ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các quy định pháp luật có liên quan; trong đó, ưu tiên sử dụng các Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia, Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Nguồn ngân sách nhà nước chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên cho các hoạt động kinh tế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan; Quỹ hỗ trợ đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định pháp luật có liên quan.

c) Nguồn vốn vay, đóng góp, tài trợ, đầu tư của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước bao gồm Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của

doanh nghiệp và các quỹ, nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của các sở, ban, ngành, địa phương; chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, triển khai các nhiệm vụ phát triển công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh; tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách và quy định của pháp luật; hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị; phối hợp triển khai các nhiệm vụ phát triển công nghiệp công nghệ số thuộc lĩnh vực quản lý; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

Căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và điều kiện thực tế của địa phương, xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép các nhiệm vụ phát triển công nghiệp công nghệ số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; ưu tiên bố trí nguồn lực theo khả năng, đẩy mạnh tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân ứng dụng công nghệ số; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

5. Các doanh nghiệp, tổ chức, cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu và hiệp hội

Chủ động nghiên cứu, đầu tư, ứng dụng, đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; tham gia đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các hoạt động hợp tác phát triển công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh; tích cực tham gia các chương trình hỗ trợ của Trung ương và của tỉnh.

6. Chế độ báo cáo

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị liên quan định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hằng năm hoặc khi có yêu cầu báo cáo

kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, ntgiang.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Phong